

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN NAM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15-9- 2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Khánh Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thiên Anh Khoa và ông Phạm Ngọc Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam tham gia phiên tòa:
Bà Tài thị Cao Sâm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 67/2021/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 5 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST -DS ngày 26 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Tuyết S, sinh năm: 1993.

Trú tại: Khu phố 12, thị trấn Phước D, huyện Ninh P, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm Xuân N, sinh năm: 1993.

Trú tại: Thôn QT 2, xã Phước M, huyện Thuận N, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17-5-2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Tuyết S trình bày:

Chị và anh Phạm Xuân N tự nguyện tìm hiểu và tiến đến chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước M theo giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 19/4/2017. Sau khi kết hôn thì chị chuyển về sống tại nhà chồng ở thôn QT 2, xã Phước M. Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh N có 01 con chung tên Phạm Xuân K, sinh ngày 05-5-2019. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc

đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, anh N đối sự tệ bạc với vợ con và có nhiều lần đánh đập chị. Hiện chị và anh N đã sống ly thân từ đầu tháng 3/2021 cho đến nay. Hiện nay chị và cháu K đang sống tại nhà mẹ chị tại xã NH, huyện Thuận Nam. Trong thời gian sống ly thân, cả hai không còn quan tâm tới nhau, mạnh ai người đó sống, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục về chung sống với nhau nên chị nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nghiêm.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn anh Phạm Xuân N.
- Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Tại phiên tòa chị thay đổi mức cấp dưỡng còn 2.000.000 đồng.
- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Xuân N trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của chị Sương về việc kết hôn, con chung là đúng sự thật. Anh xác nhận giữa anh và chị Sương có mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh có tát chị Sương vài cái. Bản thân anh không muốn ly hôn nên đã cùng với gia đình hai bên ngồi lại để giải quyết mâu thuẫn nhưng kết quả không thành. Tại phiên hòa giải anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Sương. Quá trình làm việc và tại phiên tòa anh vẫn giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị Sương cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu Tòa án giải quyết giao con chung cho chị Sương nuôi dưỡng thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho chị Sương mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Tuyết S.

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Phạm Thị Tuyết S và anh Phạm Văn N;

- Về con chung: Giao 01 con chung tên Phạm Xuân K, sinh ngày 05-05-2019 cho chị Sương trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị S mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Sương về việc chịu toàn bộ án phí ly hôn. Buộc anh Nghiêm phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Chị Phạm Thị Tuyết S khởi kiện ly hôn và tranh chấp việc nuôi con khi ly hôn với anh Phạm Xuân N, đây là vụ án về Hôn nhân và Gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh Phạm Xuân N có hộ khẩu thường trú tại thôn QT 2, xã Phước M, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam.

[2]. Tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa xác định được chị S và anh N kết hôn tự nguyện, thời điểm kết hôn năm 2017 có đủ các điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước M theo giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 19-4-2017 nên hôn nhân giữa chị S và anh N là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Chị S đã tự ý sống ly thân với anh N từ tháng 3-2021, trong thời gian sống ly thân chị S và anh N đã không còn quan tâm tới nhau, mạnh ai người đó sống. Việc tự ý sống cách ly đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa anh N và chị S tự nguyện thuận tình ly hôn, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của chị S và anh N.

[4]. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị S và anh N tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung khi ly hôn và không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con khi ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy rằng cháu Phạm Xuân K tính đến ngày xét xử chỉ mới 02 tuổi 04 tháng 10 ngày nên cần hơn sự chăm sóc thực tế từ người mẹ. Mặt khác, chị S đang trực tiếp chăm sóc và giáo dục con chung từ khi con mới sinh cho tới nay và vẫn phát triển bình thường. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con

chung cho chị S là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là đáp ứng quyền lợi về mọi mặt của con.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, việc chị S yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu K là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình. Quá trình tố tụng chị S yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Tại phiên tòa chị S thay đổi mức cấp dưỡng còn 2.000.000 đồng/tháng, xét thấy việc thay đổi này không vượt quá yêu cầu khởi kiện nên chấp nhận. Hội đồng xét xử nhận thấy, thu nhập thực tế của anh N là hơn 10.000.000 đồng/tháng, chị Sương xác định chi phí nuôi con mỗi tháng trên dưới 5.000.000 đồng. Vì vậy, cần buộc anh Nghiêm cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp với khả năng, thu nhập thực tế của anh N và nhu cầu thiết yếu của con chung.

Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5]. Chị S và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

[6]. Tại phiên tòa, chị S tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Tuyết S và xử lý về án phí là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều: 51, 55, 58, 81, 82, 83, Điều 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của nguyên đơn chị Phạm Thị Tuyết S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Phạm Thị Tuyết S và anh Phạm Xuân N.

2. Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Phạm Xuân K, sinh ngày 05-5-2019 cho chị Phạm Thị Tuyết S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (cháu K đang ở cùng chị S). Anh Phạm Xuân N phải cấp dưỡng nuôi con

chung cho chị S là 2.000.000 đồng/tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Tuyết S tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị S đã nộp theo Biên lai thu số 0023690 ngày 24/5/2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Nam. Hoàn trả cho chị S số tiền 150.000 đồng theo biên lai trên.

Anh Phạm Xuân N phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt Nguyên đơn, bị đơn. Quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Thuận Nam;
- UBND xã Phước Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Dương Khánh Hưng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Hùng

Thiên Anh Khoa

Dương Khánh Hưng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi: 09h00', ngày 30 tháng 10 năm 2020

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hương và bà Bá Thị Thu Vân

Tiến hành nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 331/2020/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2020 về Ly hôn, giữa:

Nguyên đơn: Ông Trần Trung Luật - Sinh năm: 1978; trú tại: Đội 1, Hợp tác xã 4, xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà Cao Thị Ngọc Phúc - Sinh năm: 1985; trú tại: Thôn 4, xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận; chỗ ở hiện tại: Thôn Thái Giao, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận – Vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được triệu tập hợp, có ý kiến vắng văn bản xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Nội dung giải quyết vụ án:

2.1. Điều luật áp dụng: Căn cứ: khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều: 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của ông Trần Trung Luật với bà Cao Thị Ngọc Phúc.

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Trung Luật được ly hôn với anh bà Cao Thị Ngọc Phúc.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Thị Thùy Dương, sinh ngày 22-5-2004 cho ông Trần Trung Luật trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (Cháu Dương đang ở cùng ông Luật). Bà Cao Thị Ngọc Phúc không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông Luật không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

+ Về án phí: Ông Trần Trung Luật phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Tòa án ông Luật đã nộp theo Biên lai tu tiền số 0006067 ngày 10-6-2020 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 09h30' ngày 30 tháng 10 năm 2020

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ông Tuấn trình bày trong thời gian chung sống ông và bà Du có mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017, trong thời gian không chung sống không ai còn quan tâm tới ai, mạnh ai người đó sống.